

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019
(Tuần từ ngày 22 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Đồng Phú	38,0	132,9	+ 183,9	+ 45,2	+ 32,8	8,1
Phước Hòa	0,0	10,9	- 66,9	- 83,3	- 93,0	3,0
Phước Long	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	5,5
Trung bình	12,7	47,9	+ 5,7	- 46,0	- 53,4	5,5

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 5,7%, thấp hơn năm 2018 là 46% và thấp hơn 53,4% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Đồng Phú (38 mm) và các vị trí khác phổ biến không mưa. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 5,5 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	16,12	75,66	- 10,3	- 12,5	- 13,7	Giảm	71,46
Hồ NT6	2,75	2,54	92,50	+ 4,5	+ 2,6	- 5,7	Giảm	74,30
Hồ NT9	1,97	1,73	88,03	+ 7,4	- 3,7	- 5,7	Giảm	80,84
Hồ NT8	1,3	0,99	76,40	- 14,0	- 19,2	- 23,5	Giảm	78,22
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,57	90,01	+ 4,6	- 2,1	- 3,8	Giảm	84,30
Hồ Lộc Quang	5,826	4,50	77,24	+ 1,6	- 1,1	- 2,1	Giảm	59,35
Hồ Tân Lợi	2,87	2,56	89,04	- 3,5	- 11,0	- 10,9	Giảm	78,07

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Ông	0,386	0,11	29,42	- 67,8	- 70,9	- 70,5	Giảm	92,16
Hồ Bà Um	1,58	1,14	72,09	- 22,1	- 27,0	- 27,8	Giảm	84,16
Hồ NT 4	2,615	2,42	92,45	+ 5,1	- 4,4	+ 6,1	Giảm	89,02
Đập Thọ Sơn	0,963	0,90	93,59	+ 7,7	- 6,1	+ 4,5	Giảm	91,98
Hồ Đồng Xoài	9,66	6,42	66,45	- 6,1	- 12,5	- 14,3	Giảm	53,15
Hồ Bù Môn	0,2	0,07	34,78	- 57,1	- 42,0	- 65,2	Giảm	47,83
Hồ Sa Cát	1,327	1,20	90,66	+ 5,0	- 6,0	- 7,4	Giảm	85,05
Hồ An Khương	2,6	1,59	61,15	- 1,9	- 9,1	- 9,6	Giảm	59,39
Hồ Ông Thoại	1,765	1,56	88,47	+ 6,6	- 5,9	+ 7,8	Giảm	80,41
Hồ Cần Đơn	165,49	121,17	73,22	- 17,3	- 18,4	- 17,0	Giảm	45,65
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	166,60	74,26	- 9,3	- 14,7	- 15,2		52,07

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 21/03/2019 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 166,60 triệu m³ (đạt 74,26 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, năm 2017 và TBNN. Riêng 2 hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK, đó là: hồ Suối Ông (29,4%) và hồ Bù Môn (34,8%).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 3 của vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **1,44** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 3 cho vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		547	12	1.186,0	27	1,44
1	Hồ Suối Giai		12	102	6	0,12
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,04
6	Hồ Lộc Quang	275		260	8	0,42
7	Hồ Tân Lợi			70		0,06
8	Hồ Suối Ông	11			1	0,01
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,00

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 3 cho vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
10	Hồ NT 4			130		0,11
11	Đập Thọ Sơn			63		0,05
12	Hồ Đồng Xoài			44	8	0,05
13	Hồ Bù Môn	56				0,04
14	Hồ Sa Cát			80		0,07
15	Hồ An Khương	180		33	2	0,16
16	Hồ Ông Thoại			38		0,03
17	Hồ Cần Đơn			250		0,21

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 3 năm 2018 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Giai	0,78
2	Hồ NT6	0,12
3	Hồ NT9	0,13
4	Hồ NT8	0,15
5	Hồ NT2 - Đ7	0,05
6	Hồ Lộc Quang	0,20
7	Hồ Tân Lợi	0,43
8	Hồ Suối Ông	0,03
9	Hồ Bà Úm	0,07
10	Hồ NT 4	0,11
11	Đập Thọ Sơn	0,02
12	Hồ Đồng Xoài	0,56
13	Hồ Bù Môn	1,23
14	Hồ Sa Cát	0,10
15	Hồ An Khương	0,13
16	Hồ Ông Thoại	0,07
17	Hồ Cần Đơn	328,58

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 3 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 22/03/2019 đến ngày 28/03/2019 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn, hồ Bù Môn.

- **01/17 hồ chứa đang sửa chữa:** Hồ Bù Môn đang xả nước để nạo vét.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 22/3/2019 đến 28/3/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	75,66	120	75,36	100	120	
Hồ NT6	92,50	11	13,27	100	11	
Hồ NT9	88,03	29	86,83	100	29	
Hồ NT8	76,40	25	75,68	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	90,01	51	88,59	100	51	
Hồ Lộc Quang	77,24	543	75,61	100	543	
Hồ Tân Lợi	89,04	70	83,55	100	70	
Hồ Suối Ông	29,42	12	25,50	100	12	
Hồ Bà Úm	72,09	6	71,33	100	6	
Hồ NT 4	92,45	130	91,77	100	130	
Đập Thọ Sơn	93,59	63	91,98	100	63	
Hồ Đồng Xoài	66,45	73	66,45	100	73	
Hồ Bù Môn	34,78	56	34,78	100	56	
Hồ Sa Cát	90,66	80	90,66	100	80	
Hồ An Khương	61,15	215	59,39	100	215	
Hồ Ông Thoại	88,47	38	86,17	100	38	
Hồ Càn Đơn	73,22	250	68,63	100	250	
Trung bình/Tổng	74,26	1.772^(*)	69,67	100	1.772^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đẳng	5,5	-	- 91	- 98	Rủi ro hạn cao
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
	Đakia – Bù Đốp					
Đồng Phú	Đồng Tâm – Đồng Phú	141,0	-	+ 118	- 46	Rủi ro hạn trung bình
	Mình Hưng – Chơn Thành					
Trung bình		73,2	-	+ 14	- 72	Có nguy cơ xảy ra hạn

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 14%, thấp hơn so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa

tích lũy năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 28/3 các trạm bằng 0 mm), còn khu vực trạm Phước Long lượng mưa bằng với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặc dù trong tuần qua tại trạm Đồng Phú có mưa vừa (ngày 16/3 với lượng mưa 38 mm) giúp giảm bớt căng thẳng nguồn nước vùng ngoài công trình. Nhưng với lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay rất ít và số ngày liên tiếp không mưa kéo dài, đặc biệt là trạm Phước Long từ đầu năm đến nay không mưa. Vì vậy, **nguy cơ xảy ra hạn hán cao đối với khu vực sản xuất nông nghiệp (khoảng 8.000 ha – 10.000 ha) thuộc các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, TP. Đồng Xoài, Bình Long và Phú Riềng (tỉnh Bình Phước)**. Khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bàu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Các địa phương cần tiến hành rà soát các khu vực có khả năng thiếu nước, qua đó xây dựng kế hoạch phòng, chống và giải pháp cấp nước trong trường hợp nguồn nước bị thiếu hụt Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.772	547	1.225			5.600		

Ghi chú: - Tổng diện tích cây trồng đang bị ảnh hưởng hạn hán là **5.600 ha** (399 ha lúa, 352 cây hàng năm, 1.146 ha tiêu, 3.399 ha cà phê, 298 ha cây ăn trái và cây trồng khác) tập trung ở vùng ngoài công trình thủy lợi thuộc tỉnh Bình Phước, trong đó: huyện Bù Đăng 4.494 ha (lúa 380 ha, cây hàng năm 325 ha, 340 ha tiêu, 3.269 ha cà phê, 180 ha cây ăn trái và cây trồng khác); huyện Bù Gia Mập 780 ha (Tiêu 650 ha và 130 ha cà phê), thiếu nước sinh hoạt 1.120 hộ; huyện Lộc Ninh 248 ha (19 ha lúa, 15 ha cây hàng năm, 157 ha tiêu, 58 ha cây ăn trái và cây trồng khác), thiếu nước sinh hoạt 520 hộ; thành phố Đồng Xoài 72 ha (cây hàng năm 12 ha, 60 ha cây ăn trái và cây trồng khác), thiếu nước sinh hoạt 1.340 hộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 28/03/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 156,30 triệu m³ (chiếm 69,67 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng

đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 28/03/2019 không thay đổi. Tuy nhiên, thời điểm này đang là cao điểm mùa khô, nguy cơ xảy ra khô hạn rất cao khi thời tiết nắng nóng kèm theo không mưa kéo dài hơn 2 tháng (nhất là các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, TP. Đồng Xoài, Bình Long và Phú Riềng thuộc tỉnh Bình Phước), các vùng sản xuất nông nghiệp cần có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, hạn chế tối đa lãng phí nước và sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Giai đoạn thiếu nước gay gắt vào cuối tháng 3 đầu tháng 4, cần lập kế hoạch phối hợp với các nhà máy thủy điện trên sông Bé, như: Thác Mơ, Cần Đơn, Sok Phu Miêng để tăng xả qua phát điện tạo nguồn nước cho hạ du.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 29/3/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG